TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Sửu.

2. Bà Nguyễn Thị Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về vụ việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX- ST ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mè Văn H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lò Thị A, sinh năm 1995. Địa chỉ, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Địa chỉ hiện nay: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mè Văn P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Bà Hà Thị V, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa anh Mè Văn Hùng trình bày:

Anh Mè Văn H kết hôn với chị Lò Thị A ngày 13/7/2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không do ai ép buộc và đã được UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi thành hôn vợ chồng anh, chị được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương, Sau khi thành hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc với nhau được 03 - 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ khi chị A đi làm thuê ở công ty Samsung ở Bắc Ninh, anh và gia đình xuống đón chị A không về, thậm chí tết chị A cũng không về, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Trước những mâu thuẫn nêu trên vợ chồng anh đã được hai bên gia đình, khuyên bảo nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, quay lại đoàn tụ với nhau được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.Vợ chồng anh H và chị A sống ly thân với nhau được mấy tháng nay, không ai quan tâm, hỏi han gì nhau. Vậy, từ những mẫu thuẫn nêu trên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng anh và chị A có với nhau 01 con chung, hiện nay cháu đang ở với anh, nguyện vọng của anh là nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mè Thị Kim Y, sinh ngày 23/9/2013 đến tuổi trưởng thành. Vì từ khi sinh ra cháu Y ở với anh do anh và bố mẹ anh chăm sóc. Hiện nay thu nhập hàng tháng của anh H khoảng 4.000.000đ, đủ khả năng để nuôi cháu Y ăn học. Từ khi chị A đi làm thuê không quan tâm gì đến con cái, xét thấy để bảo đảm nuôi cháu ăn học, nuôi dậy cháu thì cháu ở với anh sẽ được thuận lợi hơn. Vì hiện nay chị A đi làm thuê không có thời gian quan tâm đến cháu. Anh yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận chia nhau và có biên bản thống nhất việc ly hôn ngày 22/2/2019. Nay chị A đòi công sức đóng góp vào việc xây nhà với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là không có căn cứ vì đấy là tài sản của bố mẹ, bố mẹ bỏ tiền ra xây, số tiền công sức đóng góp đã chia cho chị anh số tiền là 31.000.000đ (Ba mươi mốt triệu đồng), chị A đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lò Thị Anh trình bày và đề nghị:

Chị Lò Thị A xác nhận lời khai trên của anh H là đúng chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không do ai ép buộc và đã được xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi thành hôn vợ chồng chị được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương, Sau khi thành hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau được hơn 06 - 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Một phần nguyên nhân nữa là do anh H xuống đón chị ở nơi công ty chị làm thêm ở Công ty

đa cấp do mọi người hiểu lầm nên đã nghĩ không tốt về chị, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của chị.

Trước những mâu thuẫn nêu trên vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay anh Mè Văn H có đề nghị được ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị và anh H có với nhau 01 con chung, nguyện vọng của chị là nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mè Thị Kim Y, sinh ngày 23/9/2013 đến tuổi trưởng thành. Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị nhất trí theo biên bản thỏa thuận ngày 22/2/2019 về chia tài sản chung của vợ chồng. Nhưng chị đề nghị tính công sức đóng góp của chị vào khối tài sản chung gia đình là 01 ngôi nhà xây 02 tầng trị giá 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và hàng rào quanh nhà vì vợ chồng chị hàng năm làm ruộng, làm nương ngô mỗi năm thu về 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), chị đi làm công ty cũng gửi tiền vào việc xây nhà, mua con bò, xe máy và một số tài sản khác. Do đó chị đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung là ngôi nhà xây là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Nợ chung: Không có.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mè Văn P và bà Hà Thị V trình bày: Chị Lò Thị A đến làm dâu và sinh sống cùng gia đình bên gia đình ông P bà V từ năm 2013 (ngày, tháng thì ông, bà không nhớ rõ), sau khi con trai ông, bà là Mè Văn H cưới chị Lò Thị A về thì sống chung cùng với gia đình. Khoảng tháng 9/2015 thì gia đình ông, bà bắt đầu xây 01 ngôi nhà, 02 tầng (tầng 02 xây cấp bốn), diện tích sử dụng là 54 m^2 (tầng 01), đến khoảng tháng 01/2016 thì xây nhà xong. Thời điểm xây nhà tiền công, tiền vật liệu hết 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Vì trong quá trình xây thì chỉ thuê mỗi một người thợ chính là ông Mè Văn D, trú tại bảnT, xã C, huyện Y và trả công hết 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), còn lại là người phụ giúp xây nhà có anh Mè Văn H (là chồng chị A) và con rể ông P, bà V là anh Mè Văn K, trú tại bản M, xã C, huyện Y, ngoài ra là công của người trong gia đình giúp. .

Trong quá trình chung sống với nhau chỉ có anh H đóng góp công sức vào việc xây nhà, lúc đấy chị A nuôi con nhỏ nên cũng không có đóng góp công sức vào việc làm nhà. Tiền và vật chất thì vợ chồng anh H, chị A không đóng góp được gì cùng gia đình ông với bà V Số tiền làm nhà là do vợ chồng ông vay mượn từ em cậu là ông Hà Văn P số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và em trai là ông Mè Văn Y số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) đều là người cùng bản, hiện nay ông P, bà V vẫn còn nợ ông P và ông Y số tiền trên.

Trong quá trình xây nhà các thành viên trong gia đình trong độ tuổi lao động gồm có vợ chồng ông (Mè Văn P, Hà Thị V), vợ chồng con rể (Mè Văn K, Mè Thị H) và vợ chồng H, A.

Đối với sản xuất nông nghiệp hàng năm như trồng ngô sau khi trừ chi phí đi còn được khoảng 05 triệu đến 06 triệu/năm, số tiền này dùng để chi tiêu hàng ngày. Từ khi chị A về làm dâu chỉ có đi làm nương giúp gia đình tôi được 01 năm, đến năm 2017 thì chị A đi làm thuê ở công ty ở dưới Bắc Ninh cho đến lúc xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng H, A. Trong quá trình đi làm thuê năm 2019 chị A gửi về gia đình số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Sau khi xảy ra mâu thuẫn anh H và chị A không thể chung sống với nhau được nữa nên đã thỏa thuận với nhau về chia tài sản chung, trong đó có số tiền chị A đi làm thuê về hai bên gia đình đã thống nhất cả công sức đóng góp của chị A vào khối tài sản chung của vợ chồng anh H, chị A mỗi người được hưởng là 31.000.000đ (Ba mươi mốt triệu đồng), gia đình ông đã trả cho chị A số tiền trên vào ngày 22/02/2019. Sau khi thống nhất chia xong tài sản các bên đều nhất trí và cùng nhau ký vào biên bản. Đến lúc ra Tòa án ly hôn thì chị A lại thay đổi ý kiến đòi chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung (Ngôi nhà xây) của gia đình ông là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) Việc này gia đình ông không nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện anh Mè Văn H là có căn cứ. Do vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho vợ chồng anh H và chị A được ly hôn.

Về tài sản chung: Chia cho anh H và chị A 60.000.000 đồng tiền công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà. Chị Lò Thị A được chia 30.000.000 đồng. Buộc ông Mè Văn P và bà Hà Thị V phải thanh toán cho chị Lò Thị A giá trị công sức đóng góp vào viêc tạo lập, xây dựng ngôi nhà xây 02 tầng, không chịu lực diện tích xây dựng 89,4m^2; 01 tường rào xây gạch chỉ (kích thước: 6,5 x 0,9) là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ông Mè Văn P và bà Hà Thị V tiếp tục sử dụng ngôi nhà được tạo dựng trên đất của ông bà.

Về con chung: Giao cháu Mè Thị Kim Y, sinh ngày 23/9/2013 cho anh Mè Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị Lò Thị A phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 01/11/2019 trở đi. Chị A được quyền đi lại thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở quyền, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn . Các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Chị Lò Thị A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh Mè Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm của giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Mè Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La giải quyết được ly hôn với chị Lò Thị A Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Hiện nay trú tại: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Mè Văn H và chị Lò Thị A kết hôn tự nguyên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La vào ngày 13/7/2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu của hai bên nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Mè

Văn H và chị Lò Thị A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi thành hôn hai vợ chồng chung sống với bố, mẹ anh H.Vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ khi chị A đi làm thuê ở công ty Samsung ở Bắc Ninh, theo dư luận chị A không làm ở Công ty SamSung nữa, hơn nữa chị anh không có thông tin về với gia đình nên anh H và gia đình xuống đón chị A về, nhưng chị A không về dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Anh H và chị A nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau, sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay đã hơn một năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không coi nhau như vợ, chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh, chị đã được anh em, họ hàng hai bên khuyên giải thuyết phục cho anh, chị quay lại đoàn tụ với nhau, nhưng không có kết quả. Trước tòa anh H, chị anh một mực yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ, chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh Mè Văn H và chị Lò Thị A phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Cần xử cho anh H và chị A ly hôn.

-Về con chung: Anh Mè Văn H và chị Lò Thị A có 01 con chung là cháu Mè Thị Kim Y, sinh ngày 23/9/2013, hiện nay cháu đang ở với anh H. Nguyện vọng của anh H và chị A đều muốn được quyền nuôi con và đề nghị bên không trực tiếp nuôi dưỡng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy anh H và chị A đều có khả năng về phẩm chất, đạo đức cũng như khả năng về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào thói quen của cháu, tránh làm sáo trộn về tâm lý, sinh hoạt về mọi mặt cũng như việc học tập của cháu. Từ nhỏ đến giờ cháu được trực tiếp ở với bố và ông, bà bên nội, cháu có thói quen sinh sống bên nội nhiều hơn. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 08/8/2019, ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y với chính quyền địa phương thì nên giao cháu cho anh Hùng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mè Thị Kim Y, sinh ngày 23/9/2013 đến tuổi trưởng thành 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào nhu cầu sinh hoạt hàng ngày cũng như đảm bảo hỗ trợ một phần nào cho anh H nuôi con ăn học. Căn cứ vào thu nhập của chị A là người có sức khỏe, đang đi làm công nhân, mức thu nhập hàng tháng khoảng 5 đến 6 triệu một tháng theo biên bản xác minh ngày 08 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay. xét thấy chị A có khả năng cấp dưỡng nuôi con cùng anh H, do vậy cần buộc chị Lò Thị A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Đối với tài sản chung là vải trắng thái, chăn, đệm....và giá trị tài sản khác quy ra tiền là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng). Anh H và chị A xác nhận là có thực tế và được hai bên gia đình tự thỏa thuận, tự phân chia nhau theo biên bản lập ngày 22/02/2019. Anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thỏa thuận trên.

Tuy nhiên tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị A cho rằng: Chị có công sức đóng góp vào việc bố mẹ chồng chị xây ngôi nhà tại bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Khi ly hôn chị A đề nghị gia đình (Bố mẹ chồng) ông Mè Văn P và bà Hà Thị V phải tính công sức đóng góp cho chị 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Vấn đề mà chị Lò Thị A nêu trên tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Mè Văn P và bà Hà Thị V cho là ngôi nhà do vợ chồng ông P, bà V tiết kiệm giành dụm trong nhiều năm và đi vay mượn thêm để làm ngôi nhà cấp 4, 02 tầng, hiện nay đang ở diện tích gần 90m^2 xây vào khoảng tháng 9 năm 2015. Tất cả vốn liếng và nguyên vật liệu, tiền công là do vợ chồng ông P, bà V trả, chứ con trai và con dâu chỉ có công sức đóng góp không đáng kể. Việc chị Lò Thị A con dâu của ông, bà đề nghị gia đình phải trả tiền công sức đóng góp vào ngôi nhà 50.000.000đ gia đình ông P và bà V không nhất trí.

Vấn đề mà các bên đương sự khai trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào thời điểm năm 2013 chị Lò Thị A về làm dâu ông Mè Văn P và bà Hà Thị V, vợ, chồng anh H, chị A cùng sống chung với gia đình bên nội ở bản Tủm, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đến tháng 9 năm 2015 gia đình ông P, bà V bắt đầu khởi công dựng ngôi nhà xây 02 tầng, không chịu lực, diện tích 89,4m^2. Từ khi khởi công đến tháng 01/2016 thì xây nhà xong, trong thời gian làm nhà chị Lò Thị A cũng có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vì chị A và anh H cùng sống chung với gia đình, khi ly hôn cần phải xem xét chia cho chị A một phần trong khối tài sản chung là ngôi nhà vì không xác định được phần tài sản (Công sức đóng góp của vợ chồng chị A và anh H vào ngôi nhà) là bao nhiêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *" 1. Trong trường hợp vợ, chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình. Việc chia một phần trong khối tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận với gia đình; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*

Do vậy cần chia cho chị Lò Thị A một phần giá trị của ngôi nhà theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 01/10/2019 trị giá ngôi nhà xây 02 tầng, không chịu lực diện tích xây dựng 89,4m^2; 01 tường rào xây gạch chỉ (kích thước: 6,5 x 0,9) là 242.869.000đ. Tuy nhiên khi chia trị giá một phần ngôi nhà cho chị LòThị A cần phải xem xét đến công sức đóng góp của vợ chồng chị vào việc tạo lập,

duy trì phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 61 đã viện dẫn trên đây. Tại các biên bản xác minh do Tòa án huyện Y lập vào các ngày 08/8/2019, ngày 04/10/2019, ngày 07/10/2019, ngày 08/10/2019 nói về công sức đóng góp vào việc xây dựng ngôi nhà của ông P và bà V xác định: Vợ chồng anh Mè Văn H và chị Lò Thị A là không đóng góp được bao nhiêu, mà chủ yếu là ông P và bà V, vợ chồng anh H, chị A sống phụ thuộc bố mẹ. Việc xây nhà chủ yếu là từ tiền của ông P, bà V chị A chỉ đóng góp một phần nào không đáng kể vì thời điểm đó chị A mới về nhà chồng và nuôi con nhỏ, chủ yếu là do anh H đóng góp công sức vào việc làm nhà nhưng cũng không đáng kể. Chính vì vậy cần chấp nhận một phần đề nghị của chị Lò Thị A, ông P, bà V phải chia cho anh H và chị A 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) phần của mỗi người 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên anh H cùng sống chung với bố mẹ (Ông P, bà V), anh H không đề nghị chia nên ông P, bà V chỉ phải trả cho chị A số tiền công sức đóng góp được chia 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[3]Về nợ chung: Anh Mè Văn H và chị Lò Thị A đều xác định anh chị không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết do đó tòa không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Mè Văn H đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tòa án đã chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/10/2019 là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do đó anh H phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) và được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí đã nộp ngày 01/10/2019 tại Tòa án 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Lò Thị A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ và án phí giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia.

Người có quyền lợi liên quan: Ông Mè Văn P và bà Hà Thị V, anh Mè Văn H là nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm vì ông P, bà V là người phải thanh toán số tiền giá trị công sức đóng góp vào việc xây nhà mà họ là chủ sử dụng, chứ họ không phải là người không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn anh H cũng vậy, anh H không yêu cầu chia phần tài sản của mình trong khối tài sản chung đó nên Hội đồng xét xử không xem xét chia phần giá trị đóng góp của anh H trong khối tài sản chung đó, nên anh H cũng không phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự. Tuy nhiên anh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59; Điều 61; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 2, khoản 4 Điều 147, 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mè Văn H được ly hôn chị Lò Thị A

2. Về con chung: Giao cháu Mè Thị Kim Y, sinh ngày 23/9/2019 cho anh Mè Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị Lò Thị A phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 01/11/2019 trở đi. Chị A được quyền đi lại thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở quyền, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn . Các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

Buộc ông Mè Văn P và bà Hà Thị V phải chia cho chị Lò Thị A giá trị công sức đóng góp vào viêc tạo lập, xây dựng ngôi nhà xây 02 tầng, không chịu lực diện tích xây dựng 89,4m^2; 01 tường rào xây gạch chỉ (kích thước: 6,5 x 0,9) là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015"

4. Về chi phí tố tụng và án phí:

* Chi phí tố tụng:

- Anh Mè Văn H phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng anh H đã nộp tại Tòa án ngày 01 tháng 10 năm 2019 là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Anh H được nhận lại số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng)

***** Về án phí:

- Anh Mè Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/000 ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Chị Lò Thị A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/11/2019).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sơn La;*
- *Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;*
- *VKSND huyện Y;*
- *Thi hành án dân sự huyện Y;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Văn Bình